TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH NGHỆ AN ---------- Bản án số: 159/2022/ST – HNGĐ Ngày 29 tháng 11 năm 2022 "V/v: Ly hôn".	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lệ Hằng

Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Thanh Sâm và bà Ngô Thị Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 29/11/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 147/2022/TLST–HNGĐ ngày 17/10/2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 18/11/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Lê Thị A – Sinh năm: 1990.**

Nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: **Anh Trần Văn S – Sinh năm: 1991.**

HKTT: Thôn H, xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam số 6 – Bộ Công an (Xã H, huyện T, tỉnh Nghệ An) - Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị A vắng mặt, tuy nhiên trong đơn khởi kiện đề ngày 28/8/2022 và tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị A trình bày:

Chị Lê Thị A và anh Trần Văn S kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại thành phố Huế, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Một thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn do quan niệm sống và cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp. Đến năm 2019, anh Trần Văn

S chuyển về Nghệ An sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Năm 2020, A vi phạm pháp luật bị xử phạt tù nên hiện đang chấp hành án tại Trại giam số 6 Bộ Công an. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên chị A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn cho vợ chồng.

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung và nợ: Vợ chồng không có tài sản chung và không nợ ai.

- Tại phiên toà anh Trần Văn S vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Văn S trình bày: Anh Trần Văn S và chị Lê Thị A kết hôn với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An. Vợ chồng sau khi kết hôn vẫn chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan niệm sống và cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp. Đến năm 2020, anh A vi phạm pháp luật bị xử phạt 14 năm tù nên đang chấp hành án tại Trại giam số 6 Bộ Công an. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không đạt mục đích nên A đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho A và chị A. Về con chung: Không có con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Hiện tại A đang chấp hành án tại Trại giam số 6 – Bộ Công an nên A đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt A.

- Tại phiên Tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến về vụ án và về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự là có căn cứ. Như vậy, vụ án đã được thụ lý, xác minh và xét xử đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Lê Thị A được ly hôn anh Trần Văn S.

Về con chung, tài sản chung và nợ: Không có.

Về án phí: Chị Lê Thị A phải nộp án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án "Ly hôn", bị đơn cư trú tại xã C, huyện A, tỉnh Nghệ An, hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam số 6 – Bộ Công an (Xã H, huyện T, tỉnh Nghệ An. Nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An thụ lý và giải quyết vụ án

theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị A và Trần Văn S kết hôn với nhau vào năm 2015 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm S, huyện A, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau tại thành phố Huế. Đến một thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn do quan niệm sống và cách nhìn nhận cuộc sống của hai vợ chồng không hợp nhau. Đến năm 2019, A chuyển về Nghệ An sinh sống. Từ đó đến nay, vợ chồng đã sống ly thân. Đến năm 2020, A vi phạm pháp luật nên bị xử phạt 14 năm tù. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, các bên không còn quan tâm, yêu thương nhau nữa, nên chị A đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với A. Trong quá trình giải quyết vụ án, A chấp hành án tại Trại giam số 6, Bộ công an tại xã H, huyện T, tỉnh Nghệ An. Thông qua Trại giam số 6, Bộ công an, A trình bày ý kiến là đồng ý ly hôn với chị A và đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

Xét thấy mục đích của hôn nhân vợ chồng là cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững, trên cơ sở cùng nhau chăm lo cuộc sống. Nhưng giữa chị A và A đã sống ly thân, không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc và giúp đỡ nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn. Do đó hôn nhân giữa chị A và A lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không thể đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A là phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình và cũng phù hợp với nguyện vọng của A cũng đồng ý ly hôn với chị A.

[2.2] Về con chung: Chị Lê Thị A và anh Trần Văn S không có con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ: Chị Lê Thị A và anh Trần Văn S không có tài sản chung và không có nợ chung.

[2.4] Về án phí: Chị Lê Thị A phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH về án phí và lệ phí Tòa án.

2/ Xử:

2.2. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị A được ly hôn với anh Trần Văn S.

2.3. Về án phí: Chị Lê Thị A phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn (Đã nộp theo biên lai số 0000239 ngày 17/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Nghệ An).

2.4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

A Thị Lệ Hằng

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh Nghệ An;*
- *VKSND A;*
- *Chi cục THADS huyện A;*
- *UBND xã C;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*